

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/DS-PT

Ngày: 28 - 01 - 2019

V/v: “Đòi tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết

Các thẩm phán: Ông Văn Công Dân, bà Lê Thị Tùng

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Khánh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Vượng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 180/2018/TLPT-DS ngày 19/12/2018 về việc “Đòi tài sản”.

Do bản án sơ thẩm số 88/2017/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 181/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Y; địa chỉ: 153B W, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Y là: Ông Lê Thanh K; địa chỉ: 69 NĐC, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk - Theo giấy ủy quyền ngày 07/8/2018 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn B; địa chỉ: 256 QT, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Phạm Hàn L – Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: K13 LKT, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Bùi Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Phạm Thị Y và ông Bùi Văn B trước đây là vợ chồng, đã ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 309/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Trong thời gian sống chung, bà Y và ông B tạo lập được 01 căn nhà và đất thuộc thửa đất số 112, tờ bản đồ số 22, diện tích 61m² đã được Ủy ban nhân dân thành phố BMT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 722120, tọa lạc tại: Số 46 BVĐ, phường TT, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk. Trước khi ly hôn, bà Y và ông B đã tự thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung, theo đó ông B được quyền sử dụng nhà và đất tại 46 BVĐ, phường TT, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk. Ông B có nghĩa vụ trả lại cho bà Y 200.000.000 đồng, là tiền bố mẹ bà Y cho sử dụng vào việc xây nhà. Để đảm bảo việc thỏa thuận về tài sản và không phải mất án phí, ông B viết cho bà Y 01 giấy vay tiền với số tiền 200.000.000 đồng, hạn đến ngày 03/6/2017 sẽ thanh toán.

Đến hạn trả tiền, bà Y nhiều lần yêu cầu ông B thực hiện nghĩa vụ theo cam kết nhưng ông B cố tình né tránh, đến nay vẫn chưa trả tiền cho bà Y. Vì vậy bà Y làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Bùi Văn B phải trả cho bà Y số tiền 200.000.000 đồng.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Bùi Văn B trình bày:

Tôi và bà Y kết hôn với nhau từ năm 2015, trong quá trình chung sống hai vợ chồng không tạo lập được tài sản chung nào. Tôi thừa nhận có ký vào giấy vay tiền với số tiền 200.000.000 đồng mà bà Y cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên việc bà Y nói tôi mượn tiền là không có cơ sở vì khi đó tôi bị bà Y ép buộc phải viết tờ giấy vay tiền này. Tôi là người tự lập về tài chính nên tôi không có lý do mượn tiền của bà Y. Vì vậy tôi không đồng ý với yêu cầu của bà Y buộc tôi phải trả số tiền 200.000.000 đồng.

Tại bản án sơ thẩm số 88/2018/DSST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463; 466 và 468 Bộ luật dân sự 2015.

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Y. Buộc ông Bùi Văn B có nghĩa vụ phải trả cho bà Phạm Thị Y số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/11/2018 bị đơn ông Bùi Văn B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn trình bày: Việc ông B viết giấy vay số tiền 200.000.000đ của bà Y là bị ép buộc vì thực chất không có việc giao nhận tiền giữa các bên. Bên cạnh đó, bà Y cho rằng số tiền trên là tiền của bố mẹ bà Y cho bà Y để đóng góp xây nhà là không có căn cứ vì toàn bộ tài sản là của ông B có trước thời kỳ hôn nhân và hiện nay giá trị căn nhà trên cũng không tới số tiền đó.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm khẳng định: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông B cho rằng: Việc ông ký giấy vay tiền cho bà Y là bị ép buộc. Tuy nhiên, ông B không cung cấp được các chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của ông B là không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn – Giữ nguyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Bùi Văn B hợp lệ về hình thức, được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn khai việc các bên viết “giấy vay tiền” đề ngày 03/3/2017 bắt nguồn việc phân chia tài sản chung khi ly hôn, theo đó, các bên thỏa thuận bị đơn phải thanh toán tiền chênh lệch khi phân chia tài sản cho nguyên đơn là 200.000.000đ và việc các bên viết “giấy vay tiền” là để đảm bảo nghĩa vụ trả tiền của bị đơn đối với nguyên đơn. Xét lời trình bày của nguyên đơn thấy rằng: Vào ngày 31/5/2017 nguyên đơn và bị đơn ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 309/2017/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tại quyết định này cả nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn; các đương sự đều thừa nhận không có việc giao nhận tiền theo giấy vay tiền đề ngày 03/3/2017 và bản thân bị đơn xác định toàn bộ tài sản chung của vợ chồng hiện đang do bị đơn quản lý sử dụng cho nên lời trình bày của nguyên đơn về việc các bên ký “giấy vay tiền” ngày 03/3/2017 để thỏa thuận chia tài sản khi ly hôn là có căn cứ, mặc dù bị đơn không thừa nhận việc phân chia tài sản chung khi ly hôn như nguyên đơn trình bày. Như vậy, giao dịch vay tiền là giao dịch giả tạo nhằm che giấu giao dịch phân chia tài sản chung khi ly hôn, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 124 thì giao dịch vay tiền bị vô hiệu còn giao dịch phân chia tài sản chung của vợ chồng vẫn có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, đơn khởi kiện của nguyên đơn không có căn cứ để chấp nhận. Mặt khác, nếu chấp nhận yêu cầu đòi tài sản của nguyên đơn theo “Giấy vay tiền” ngày 03/3/2017 mà nguyên đơn tiếp tục khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng thì Tòa án không có căn cứ để trả lại đơn khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn B là có căn cứ để chấp nhận, sửa án sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện của nguyên đơn và trả lại “Giấy vay tiền” đề ngày 03/3/2017 cho nguyên đơn; khi nguyên đơn khởi kiện chia tài sản chung thì thụ lý giải quyết bằng vụ kiện riêng.

[6] Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do không được chấp nhận đơn khởi kiện nên nguyên đơn bà Phạm Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Được tính như sau: $5\% \times 200.000.000\text{đ} = 10.000.000\text{đ}$.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Bùi Văn B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn B, sửa bản án sơ thẩm số 88/2018/DSST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử: Bác toàn bộ đơn yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Y đối với yêu cầu buộc ông Bùi Văn B có nghĩa vụ phải trả cho bà Phạm Thị Y số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

[2] Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Y phải chịu 10.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 5.000.000 đồng tạm ứng án phí do bà Phạm Thị Bích Chi nộp thay, theo biên lai thu số 7750 ngày 30/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk. Bà Phạm Thị Y còn phải tiếp tục nộp 5.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Văn B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2017/0008624, ngày 10/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BMT.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TANDCC
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- TAND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THA thành phố BMT;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Triết

